

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2017/HSST

Ngày: 25-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung, Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 162/2017/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2017/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Sỹ Đức H, sinh năm 1983 tại Đồng Nai; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 03/12; nghề nghiệp: Không; con ông Sỹ Quang S, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Lý Như M, sinh năm 1955; bị cáo có 01 người em sinh năm 1985; có vợ tên Su Quân Lệ N, sinh năm 1990; có 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 06/5/2009, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Sỹ Đức H về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 11/7/2011 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Sỹ Đức H về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/7/2011, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định chỉ điều tra vụ án đối với bị can Sỹ Đức H.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2017 cho đến nay; có mặt.

- Người bị hại: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1988; nơi thường trú: Thôn A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; tạm trú: Nhà trọ Hồng M, Tổ 6, Khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1983; nơi thường trú: Thôn A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thanh Sang E, sinh năm 1978, nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thị H; khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Thạch Minh K, sinh năm 1986; nơi thường trú: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Thị H; khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sỹ Đức H, Thạch Minh K và đối tượng tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) có mối quan hệ là bạn bè với nhau.

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 22/8/2017, H đi bộ từ nhà trọ của mình ở khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương đến phòng số 09 khu nhà trọ Nguyễn Thị H do K thuê để ở, thuộc khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương mục đích nhờ K tìm việc làm giúp cho H. K nói không thể tìm việc làm giúp H được nên H ở phòng K chơi. Đến khoảng 10 giờ 55 phút cùng ngày, T đi bộ đến phòng trọ của K để chơi. Tại đây H, K và T nói chuyện với nhau một lúc thì K lên trên gác để ngủ. T nói với H là “Anh kiểm tiền không?” thì H hỏi “kiểm tiền gì?”. Sau đó, T đi ra khỏi phòng trọ của K làm gì H không rõ, còn H vẫn ngồi trong phòng của K. Khoảng 03 phút thì T quay vào vị trí H đang ngồi và rủ H cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô đang dựng đối diện phòng trọ của K (Phòng số 11), đồng thời dùng tay chỉ về hướng chiếc xe mô tô biển số 22B1 – 317.06 của ông Đỗ Trọng N đang để ở phía trước đối diện phòng số 09 cho H thấy và T bảo H mang xe 22B1 – 317.06 ra phía trước nhà trọ cho T thì H đồng ý. Sau đó, T đi ra phía trước nhà trọ, lúc này H đi lại vị trí để xe 22B1 – 317.06 dùng tay trái cầm vào tay lái phía bên trái của xe 22B1 – 317.06 còn tay phải H cầm vào yên xe phía sau. H đẩy chiếc xe mô tô này lùi lại phía sau để mang ra phía trước nhà trọ cho T, khi đẩy xe lùi khoảng 01 mét thì ông N đang ở trong phòng số 11 phát hiện chiếc xe 22B1 – 317.06 đang chuyển động nên đã tri hô và cùng với ông Nguyễn Thanh Sang E bắt giữ được H, sau đó giao H cho Công an phường K.

Công an phường K lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ vật chứng, đồ vật tài sản có liên quan gồm: 01 (Một) xe mô tô biển số 22B1 – 317.06. Riêng T chạy thoát. Sau đó, Công an phường K chuyển giao hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 145/KLTS – TTHS ngày 23/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T xác định: 01(Một) xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng – đen – bạc, biển số 22B1 – 317.06, đã qua sử dụng có trị giá là 9.375.000 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số 163/QĐ-KSĐT ngày 15/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Sỹ Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Sỹ Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điều h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Sỹ Đức H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù;

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng đúng quy định nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Đỗ Trọng N không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

- Đối với ông Thạch Minh K không biết việc T và H bàn bạc, chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 22B1 – 317.06 của ông N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không xử lý là đúng quy định của pháp luật nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Đối với đối tượng tên T (không rõ nhân thân) cùng H thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô này. Quá trình điều tra đến nay, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T chưa xác minh được nhân thân lai lịch của T. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo trình bày thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 163/QĐ-KSĐT ngày 15/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T và thống nhất về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không trình bày bổ sung gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại ông Đỗ Trọng N khai: Xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha biển số 22B1 – 317.06 do bà Nguyễn Thị Vân A là chị dâu của ông N mua và đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Năm 2014, bà A cho ông N chiếc xe này để làm phương tiện đi lại nhưng ông N chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 22/8/2017, ông N dựng xe mô tô biển số 22B1 – 317.06 trước cửa phòng trọ số 11 của mình thuộc nhà trọ Nguyễn Thị H ở khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì bị bị cáo H trộm cắp. Ngày 05/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe nêu trên, ông N đã nhận lại xe và không yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, con của bị cáo còn nhỏ nên ông N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vân A trình bày: Bà Vân A là chủ sở hữu đối với xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng – đen – bạc, biển số 22B1 – 317.06. Bà A mua xe này vào năm 2012, giá 16.500.000 đồng. Bà A sử dụng chiếc xe mô tô này đến năm 2014 thì cho ông N để làm phương tiện đi lại. Ngày 05/10/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 141 và trả lại chiếc xe nêu trên cho ông Đỗ Trọng N nên bà Vân A không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra người làm chứng ông Nguyễn Thanh Sang E trình bày: Ông E là người ở trọ tại phòng số 12, khu nhà trọ Nguyễn Thị H, thuộc khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vào lúc khoảng 11 giờ ngày 22/8/2017 khi đang ở trong phòng thì ông E nghe tiếng tri hô “trộm, trộm” nên ông E cùng với ông N bắt giữ được thanh niên lấy xe của ông N và giao cho Công an phường K để xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra người làm chứng ông Thạch Minh K trình bày: Ông K là người thuê trọ tại phòng số 09, khu nhà trọ Nguyễn Thị H, thuộc khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vào lúc khoảng 10 giờ ngày 22/8/2017 Sỹ Đức H có đến phòng trọ nhờ ông K xin việc làm. Ông K trả lời là không thể giúp H được, sau đó có T đến chơi

thì ông K để H và Tài nói chuyện còn ông K leo lên gác đi ngủ. Việc T và H bàn bạc để lấy xe như thế nào thì ông K không biết. Sau khi sự việc xảy ra thì ông K mới biết là H lấy xe của ông N còn T đã bỏ chạy. Ông K không biết nơi cư trú cụ thể của T vì chỉ mới quen biết T.

Trong lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về nhà lao động nuôi gia đình, phụng dưỡng cha mẹ, chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Ngày 22/8/2017 tại khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương bị cáo Sý Đức H đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng – đen – bạc, biển số 22B1 – 317.06 trị giá tại thời điểm chiếm đoạt là 9.375.000 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) của ông Đỗ Trọng N. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, vì mục đích tư lợi, thái độ coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo Sý Đức H đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng số 163/QĐ-KSĐT ngày 15/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Sý Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc Hoa; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy

định tại Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không phải là phạm tội lần đầu nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu thể hiện ngày 06/5/2009 bị cáo đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 11/7/2011 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”. Do chuyển biến tình hình nên bị cáo đã không bị truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Đỗ Trọng N không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành quyết định xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về kiến nghị: Hội đồng xét xử thấy không có văn bản hành chính hoặc hành vi hành chính nào của cơ quan nhà nước vi phạm nên không kiến nghị.

Đối với đối tượng tên T là người cùng thực hiện hành vi trộm cắp với bị cáo, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[10] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1999 và Điểm a, Khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Sỳ Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Sý Đức H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2017.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Bị cáo Sý Đức H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Công an thị xã Tân Uyên (02);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền

